

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày: 12-01-2024

V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Linh.
- Bà Trần Thiều Huệ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2023/QĐST-DS ngày 28/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2023/QDDST-DS ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Ngọc H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh H xin vắng mặt; chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:**

Do chị T cần vốn làm ăn nên vào ngày 02/4/2023, anh H có cho chị T vay số tiền 67.500.000 đồng, không lãi suất. Khi vay, có lập biên nhận nợ, chị T có ký tên trong

biên nhận ghi ngày 02/4/2023. Thỏa thuận chị T trả cho anh H 3.000.000 đồng/tháng vào ngày 20 tây hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 5/2023 cho đến khi hết số tiền trên nhưng sau khi vay xong cho đến nay thì chị T chưa trả cho anh số tiền nào. Đã rất nhiều lần anh yêu cầu chị T trả tiền vốn vay nhưng chị T cứ hẹn và né tránh. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu chị T trả lại anh số tiền vốn vay 67.500.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Yêu cầu chị T trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do, chị cũng không gửi đến Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Huy.*

Tại phiên tòa:

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị T vắng mặt không lý do.

*** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: **áp dụng** Điều 357, 463, 466, 468 **Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hội.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: anh H khởi kiện yêu cầu chị T trả tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Huy, chị Tuyết.

[3] Về nội dung: anh H yêu cầu chị T trả số tiền vốn vay 67.500.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh H cung cấp bản chính “Biên nhận” ngày 02/4/2023. Biên nhận có nội dung chị Nguyễn Thị Ngọc T

có vay của anh Phạm Ngọc H số tiền 67.500.000 đồng, mỗi tháng tới ngày 20 dương lịch trả 3.000.000 tiền vốn, không tính lãi đến khi hết số tiền.

Chị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chị đã từ bỏ quyền chứng minh của chị, chị cũng không gửi đến Tòa án văn bản phản đối đối với chứng cứ mà anh H cung cấp theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa anh H với chị T đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh H nên cần buộc chị T có trách nhiệm trả anh H số tiền 67.500.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: anh H không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời gian trả: anh H yêu cầu chị T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của anh H là có cơ sở vì số tiền này chị T để kéo dài không trả cho anh H đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H nên cần buộc chị T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của anh H được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc H.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả anh Phạm Ngọc H số tiền vay 67.500.000 (sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 3.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại anh Phạm Ngọc H 1.687.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012517 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây

3. Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Phan Thị Ngọc Ngân